

*Mỏ Cày Nam, ngày 29 tháng 8 năm 2019*

Số: 239/2019/QĐST – HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2019/TLST – HN, ngày 03 tháng 01 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*”, giữa:

\* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

\* *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: khu phố 5, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Ngân hàng Ch (Phòng giao dịch huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Thanh T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Ngọc L – Phó giám đốc Phòng giao dịch huyện Mỏ Cày Nam.

3. Phòng N huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

- Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: 02 con tên Huỳnh Văn Vĩnh X, sinh ngày 12/03/2000 và Huỳnh Thị Vĩnh X, sinh ngày 04/01/2009. Trong đó: Huỳnh Văn Vĩnh X đã trưởng thành, không ai yêu cầu cấp dưỡng, không xem xét; Huỳnh Thị Vĩnh X do chị Nguyễn Thị Nh trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Nh không yêu cầu anh Huỳnh Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Huỳnh Văn H cùng trình bày không yêu cầu Tòa án xem xét, không giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng:

+ Chị Nguyễn Thị Nh và anh Huỳnh Văn H liên đới trả cho anh Huỳnh Văn N tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 123.335.000 đồng, trả khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự có hiệu lực pháp luật. Anh Huỳnh Văn N không yêu cầu tính lãi chậm trả đến thời điểm giải quyết, không xem xét.

+ Ghi nhận Ngân hàng Ch (Phòng giao dịch huyện Mỏ Cày Nam) đồng ý cho anh Huỳnh Văn H tiếp tục thực hiện hợp đồng vay theo hồ sơ vay vốn ngày 12/9/2018 (Số tiền vay 30.000.000 đồng, trả nợ phân kỳ 12 tháng/lần, mỗi năm trả 10.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 12/9/2021). Ngân hàng Ch (Phòng giao dịch huyện Mỏ Cày Nam) không yêu cầu trách nhiệm của chị Nguyễn Thị Nh đối với số tiền trên và không yêu cầu anh Huỳnh Văn H trả số tiền trên trong vụ án này, không xem xét.

+ Đối với số tiền 20.000.000 đồng theo Hợp đồng trách nhiệm thực hiện mô hình phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế giảm nghèo số 21/HĐ-PNN&PTNT, ngày 30/11/2017 giữa Phòng N huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và anh Huỳnh Văn H, các bên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Nh tự nguyện chịu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 3.083.000 đồng (Ba triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng - Đối với trách nhiệm trả tiền cho anh Huỳnh Văn N): Chị Nguyễn Thị Nh và anh Huỳnh Văn H tự nguyện liên đới chịu.

Tuy nhiên, do chị Nguyễn Thị Nh và anh Huỳnh Văn H được cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (Theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 11/GCN-HN.HCN, ngày 01/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre), có yêu cầu xin miễn án phí nên xét miễn cho chị Nguyễn Thị Nh và anh Huỳnh Văn H theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, chị Nguyễn Thị Nh và anh Huỳnh Văn H được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho chị Nguyễn Thị Nh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00021858, ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 3.083.000 đồng (Ba triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng) cho anh Huỳnh Văn N theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0003602, ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu;

**Thẩm phán**

(đã ký)

**Đỗ Thúy Hằng**